

## MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN I	7
TỔNG QUAN VỀ VIỆT NAM	7
1. Tổng quan về Việt Nam	8
1.1. Vị trí địa lý	8
1.2. Khí hậu - địa hình	9
1.3. Hành chính	9
1.4. Dân tộc	9
1.5. Tôn giáo	10
1.6. Các di sản thế giới ở Việt Nam	12
1.6.1 Di sản thiên nhiên	12
1.6.2 Di sản văn hóa	12
1.7. Cơ sở nảy sinh hình thành nên nền văn hoá Việt Nam	12
CHƯƠNG II	14
VĂN HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG	14
Dẫn nhập	14
2.1. Khái niệm Văn hoá	14
2.2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa	15

---

2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội	16
2.2.2. Tính giá trị và chức năng thúc đẩy xã hội vận động đi lên	16
2.2.3. Tính lịch sử và truyền thống có chức năng giáo dục, duy trì cộng đồng.	16
2.2.4. Tính dân tộc tạo nên cá tính, bản sắc riêng, phân biệt với dân tộc khác.	16
2.3. Phân biệt văn hóa, văn hiến, văn vật và văn minh.	16
2.4. Cấu trúc của một nền văn hóa	18
2. 5. Các bộ môn nghiên cứu văn hóa	18
2.6. Hai loại hình văn hoá cơ bản trên thế giới	18
<b>CHƯƠNG III</b>	<b>21</b>
<b>TỌA ĐỘ CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM</b>	<b>21</b>
3. 1.Chủ thể văn hóa Việt Nam là các dân tộc Việt Nam	21
3.2. Không gian văn hóa	22
3.3 Các vùng văn hóa Việt Nam	23
3.3.1. Vùng văn hóa Tây Bắc	26
3.3.2. Vùng văn hóa Việt Bắc (Vùng Đông Bắc)	27
3.3.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ (vùng Thăng long, vùng đồng bằng sông Hồng)	28
3.3.4. Vùng văn hóa Trung Bộ	28
3.3.5. Vùng văn hóa Tây Nguyên	29
3.3.6. Vùng văn hóa Nam Bộ	29

---

3.4. Môi quan hệ không gian văn hóa Việt Nam - Trung Quốc	31
TIỀN TRÌNH VĂN HOÁ VIỆT NAM	33
4.1. Giai đoạn 1: giai đoạn tiền sử	33
4.2. Giai đoạn 2: giai đoạn Văn Lang - Âu lạc	34
4.4. Giai đoạn 4: Văn hóa Đại Việt thời tự chủ	35
4.5. Giai đoạn 5: Văn hóa Đại Nam	37
4.6. Giai đoạn 6: Văn hóa hiện đại	38
CHƯƠNG V	42
VĂN HOÁ NHẬN THỨC	42
CỦA NGƯỜI VIỆT NAM XƯA VÀ NAY	42
5.1. Triết lý âm dương	42
5.1.1. Khái niệm	43
5.1.2. Hai qui luật của triết lý âm dương (quan hệ giữa âm và dương)	44
5.1.2.1 Qui luật 1	44
5.1.1.2. Qui luật 2	45
5.2. Hai hướng phát triển của triết lý âm dương	47
5.2.1 Hướng lên phía Bắc	47
5.2.2. Tam tài	48
5.3. Triết lí về cấu trúc thời gian - lịch âm dương	49
5.3.1. Lịch	49
5.3.1.1. Lịch dương	49
5.3.1.2. Lịch âm	50

---

5.3.1.3. Lịch âm dương	50
5.3.2. Hệ đếm Can -Chi	51
5.3.2.1. Hệ Can – thiên can	51
5.3.2.2. Hệ Chi - Địa chi	51
5.4.Triết lý - nhận thức về con người	54
5.4. 1.Nhận thức về con người tự nhiên	54
5.4. 2. Nhận thức về con người xã hội	56
<b>CHƯƠNG VI</b>	<b>57</b>
<b>VĂN HÓA TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG</b>	<b>57</b>
<b>VÀ CÁ NHÂN</b>	<b>57</b>
6. 1.Tổ chức cộng đồng	57
6.1.1.Tổ chức nông thôn: làng xã	57
6.1.2. Tổ chức quốc gia	61
6.1.3 Tổ chức đô thị	63
6.2.Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân	65
6.2.1.Tín ngưỡng	65
6.2. 2.Phong tục	69
6.2.3. Văn hoá giao tiếp và Tiếng Việt	72
6.2.3.1.Đặc điểm giao tiếp của người Việt Nam	72
6.2.3.2. Ngôn ngữ tiếng Việt trong giao tiếp	73
<b>6.2.4. Sinh hoạt nghệ thuật.</b>	<b>74</b>
6.2.4.1. Văn chương	74
6.2.4.2. Nghệ thuật tạo hình	76
<b>CHƯƠNG VII</b>	<b>79</b>

---

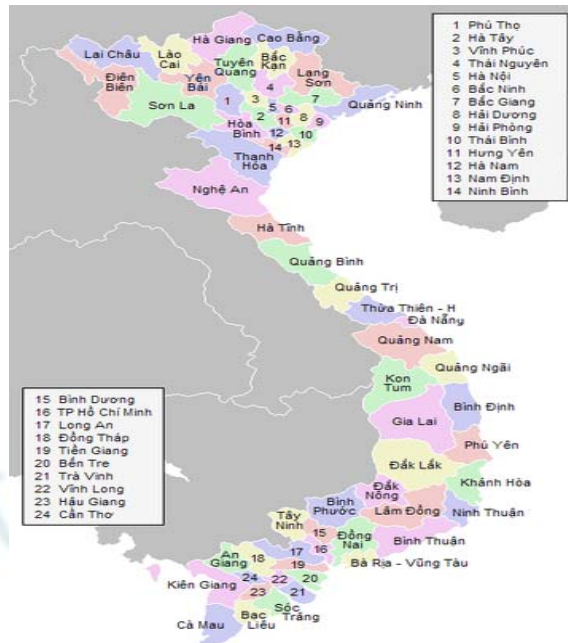
<b>VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI</b>	<b>79</b>
<b>Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên</b>	<b>79</b>
7.1. Ăn uống	79
7.2. Mặc (trang phục, trang điểm)	81
7.3. Nhà ở	82
7.4. Sự đi lại – giao thông	84
7.5 Văn hoá tình dục	85
<b>CHƯƠNG VIII</b>	<b>88</b>
<b>VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI</b>	<b>88</b>
<b>Giao lưu với Ấn Độ</b>	<b>89</b>
<b>8.1 Văn hóa Chăm và nguồn gốc Bà la môn, Hồi giáo</b>	89
<b>8.2. Văn hoá Phật Giáo (Buddhism)</b>	90
8.2.1. Sự hình thành đạo Phật	90
8.2.2. Quá trình phát triển của Phật Giáo ở Việt Nam	93
8.2.3. Một số đặc điểm của Phật Giáo Việt Nam	95
<b>Giao lưu với Trung Hoa</b>	<b>98</b>
<b>8.3.Nho giáo và văn hoá Việt Nam</b>	98
8.3.1.Sự hình thành Nho giáo	98
8.3.2. Nội dung cơ bản của Nho giáo	101
8.3.3. Nho giáo Việt Nam	103
<b>8.4. Đạo giáo và văn hoá Việt Nam</b>	104
8.4.1.Đạo gia, Đạo, Đạo đức kinh, Đạo giáo	104
8.4.2. Đạo giáo ở Việt Nam	107
<b>Phương Tây với văn hoá Việt Nam</b>	<b>109</b>
<b>8.5. Kitô giáo với văn hóa VN</b>	109

---

8.5.1 Quá trình phát triển của Kitô giáo ở Việt Nam	109
8.5.2. Văn hóa phương Tây ở Việt Nam	111
<b>CHƯƠNG IX</b>	<b>117</b>
<b>VĂN HOÁ VIỆT NAM</b>	<b>117</b>
<b>TỪ TRUYỀN THÔNG ĐẾN HIỆN ĐẠI</b>	<b>117</b>
<b>9.1. Hằng số văn hoá Việt Nam</b>	<b>117</b>
<b>9.2. Bản sắc văn hoá dân tộc</b>	<b>117</b>
<b>9.3. Giá trị văn hoá truyền thống</b>	<b>118</b>
<b>9.4. Giá trị văn hoá tiêu biểu</b>	<b>118</b>
<b>9.5. Văn hoá truyền thống đứng trước công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hóa</b>	<b>119</b>
<b>Phụ Lục</b>	<b>122</b>
<b>Đất Nước</b>	<b>134</b>
<b>THƯ MỤC THAM KHẢO</b>	<b>139</b>

# PHẦN I

## TỔNG QUAN VỀ VIỆT NAM



**Bản đồ hành chính Việt Nam**



**Trống Đồng - Biểu tượng của văn minh Việt Nam cổ xưa.**

# 1. Tổng quan về Việt Nam

## 1.1. Vị trí địa lý



Hình 1.1 Quốc kỳ Việt Nam



Hình 1.2 Quốc huy Việt Nam

Nguồn [www.mattran.org.vn](http://www.mattran.org.vn)

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một dải đất hình chữ S, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, ở phía Đông bán đảo Đông Dương, Kinh tuyến:  $102^{\circ} 08'$  -  $109^{\circ} 28'$  Đông, Vĩ tuyến:  $8^{\circ} 02'$  -  $23^{\circ} 23'$  Bắc

- Phía Bắc giáp Trung Quốc,
- Phía Tây giáp Lào, Campuchia,
- Phía Đông và Nam trông ra biển Đông và Thái Bình Dương.

Bờ biển Việt Nam dài 3260 km, biên giới đất liền dài 3730km. Trên đất liền, từ điểm cực Bắc đến điểm cực Nam (theo đường chim bay) dài 1 650km, từ điểm cực Đông sang điểm cực Tây nơi rộng nhất 600km (Móng Cái, Quảng Ninh), 400 km (Nam bộ), nơi hẹp nhất 50km - Đèo Hới (Quảng Bình).

Việt Nam là đầu mối giao thông từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương<sup>1</sup>.



Hình 1.3; Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á

—[www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn)

<sup>1</sup> [www.chinhphu.vn](http://www.chinhphu.vn)



## 1.2. Khí hậu - địa hình

Về cơ bản: Khí hậu Việt Nam nằm hoàn toàn trong vành đai khí hậu gió mùa. Tuy nhiên trải dài từ Bắc đến Nam, khí hậu có những thay đổi rõ rệt

Miền Bắc: bốn mùa Xuân, hạ, thu, đông rõ rệt.

Miền Nam : chỉ hai mùa : mùa Khô (mùa Nắng) và mùa mưa,

Miền trung; khí hậu khắc nghiệt, khô hạn nhiều.

Lãnh thổ Việt Nam bao gồm 3 phần 4 là đồi núi, 1/4 còn lại là đồng bằng. các đồng bằng lớn: Sông Hồng, Sông Cửu Long..

## 1.3. Hành chính

Hiện tại Việt Nam có 64 tỉnh thành, trong đó có 5 Thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Hà Nội, Tp. HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ.

## 1.4. Dân tộc

Theo thống kê dân số năm 1979 thì Việt Nam có 54 dân tộc. 54 dân tộc cùng chung sống trên lãnh thổ, mỗi dân tộc một sắc thái riêng, cho nên văn hoá Việt Nam là một sự thống nhất trong đa dạng. Ngoài văn hoá Việt-Mường mang tính tiêu biểu, còn có các nhóm văn hoá đặc sắc khác như Tày-Nùng, Thái, Chăm, Hoa-Ngái, Môn-Khmer, H'Mông-Dao, nhất là văn hoá các dân tộc Tây Nguyên giữ được những truyền thống khá phong phú và toàn diện của một xã hội thuần nông nghiệp gắn bó với rừng núi tự nhiên.

**54 dân tộc có thể chia thành 8 Nhóm, các dân tộc cùng nhóm có quan hệ gần gũi họ hàng với nhau:**

**Nhóm Việt - Mường** có 4 dân tộc là: Chứt, Kinh, Mường, Thổ.

**Nhóm Tày - Thái** có 8 dân tộc là: Bô Y, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Sán Chay, Tày, Thái.

**Nhóm Môn-Khmer** có 21 dân tộc là: Ba na, Brâu, Bru-Vân kiều, Chơ-ro, Co, Cơ-ho,

Cơ-tu, Cơ-tu, Gié-triêng, Hrê, Kháng, Khmer, Khơ mú, Mạ, Mảng, M'Nông, Ó-đu, Rơ-măm, Tà-ôi, Xinh-mun, Xơ-đăng, Xtiêng.

**Nhóm Mông - Dao** có 3 dân tộc là: Dao, Mông, Pà thên.

**Nhóm Kadai** có 4 dân tộc là: Cờ lao, La chí, La ha, Pu péo.

**Nhóm Nam đảo** có 5 dân tộc là: Chăm, Chu-ru, Ê đê, Gia-rai, Ra-glai.

**Nhóm Hán** có 3 dân tộc là: Hoa, Ngái, Sán diu.

**Nhóm Tạng** có 6 dân tộc là: Cống, Hà Nhì, La hủ, Lô lô, Phù lá, Si la<sup>2</sup>.

Mặc dù tiếng nói của các dân tộc thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau, song do các dân tộc sống rất xen kẽ với nhau nên một dân tộc thường biết tiếng các dân tộc có quan hệ hàng ngày, và dù sống xen kẽ với nhau, giao lưu văn hóa với nhau, nhưng các dân tộc vẫn lưu giữ được bản sắc văn hóa riêng của dân tộc mình. ở đây cái đa dạng của văn hóa các dân tộc được thống nhất trong qui luật chung - qui luật phát triển đi lên của đất nước, như cái riêng thống nhất trong cái chung của cặp phạm trù triết học.

## 1.5. Tôn giáo

Ở Việt Nam có những tôn giáo có nguồn gốc từ phương Đông như Phật giáo, Lão giáo, Nho giáo; có tôn giáo có nguồn gốc từ phương Tây như Thiên chúa giáo, Tin lành; có tôn giáo được sinh ra tại Việt Nam như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo; có tôn giáo hoàn chỉnh (có hệ thống giáo lý, giáo luật, lễ nghi và tổ chức giáo hội), có những hình thức tôn giáo sơ khai. Có những tôn giáo đã phát triển và hoạt động ổn định; có những tôn giáo chưa ổn định, đang trong quá trình tìm kiếm đường hướng mới cho phù hợp.

Theo ban Tôn giáo chính Phủ, ước tính, hiện nay ở Việt Nam có khoảng 80% dân số có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có khoảng gần 20 triệu tín đồ của 6 tôn giáo đang hoạt động bình thường, ổn định, chiếm 25% dân số. Cụ thể:

- **Phật giáo:** Gần 10 triệu tín đồ, có mặt hầu hết ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, trong đó tập trung đông nhất ở Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Phòng, Hải Dương, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, TP Hồ Chí

---

<sup>2</sup> [www.mattran.org.vn](http://www.mattran.org.vn) - Đất nước Việt Nam.

Minh, Đồng Nai, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Trà Vinh, thành phố Cần Thơ...

- **Thiên chúa giáo:** Hơn 5,5 triệu tín đồ, có mặt ở 50 tỉnh, thành phố, trong đó có một số tỉnh tập trung đông như Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Kon Tum, Đắk Lắk, Khánh Hoà, Bình Thuận, Đồng Nai, TP Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Vĩnh Long, An Giang, thành phố Cần Thơ...

- **Đạo Cao Đài:** Hơn 2,4 triệu tín đồ có mặt chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ như Tây Ninh, Long An, Bến Tre, TP Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Tiền Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Kiên Giang, Cà Mau, An Giang..

- **Phật giáo Hoà Hảo:** Gần 1,3 triệu tín đồ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: An Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long.

- **Đạo Tin lành:** khoảng 1 triệu tín đồ, tập trung ở các tỉnh: Đà Nẵng, Quảng Nam, TP Hồ Chí Minh, Bến Tre, Long An, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông, Bình Phước, Trà Vinh và một số tỉnh phía Bắc.

- **Hồi Giáo:** Hơn 90 nghìn tín đồ, tập trung ở các tỉnh: An Giang, TP Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Ninh Thuận...

Ngoài **6 tôn giáo chính thức** đang hoạt động bình thường, còn có một số nhóm tôn giáo địa phương, hoặc mới được thành lập có liên quan đến Phật giáo, hoặc mới du nhập ở bên ngoài vào như: Tịnh độ cư sỹ, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Tổ Tiên Chính giáo, Balamôn, Bahai và các hệ phái tin lành. Mới đây, năm 2007 Chính phủ vừa chính thức cho thêm 2 tôn giáo **Tịnh độ cư sỹ và Tứ Ân Hiếu Nghĩa** được phép hoạt động truyền giáo và lập giáo hội chính thức nâng số tôn giáo chính thức ở Việt Nam từ 6 lên 8.

Với sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo nói trên, người ta thường ví Việt Nam như bảo tàng tôn giáo của thế giới. Về khía cạnh văn hoá, sự đa dạng các loại hình tín ngưỡng tôn giáo đã góp phần làm cho nền văn hoá Việt Nam phong phú và đặc sắc. Tuy nhiên đó là những khó khăn đặt ra trong việc thực hiện chủ trương, chính sách đối với tôn giáo nói chung và đối với từng tôn giáo giáo cụ thể.

## 1.6. Các di sản thế giới ở Việt Nam

### 1.6.1 Di sản thiên nhiên

- Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)
- Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng (Quảng Bình)

### 1.6.2. Di sản văn hóa

1. Quần thể kiến trúc cổ đô Huế (Thừa Thiên Huế)
2. Nhã nhạc cung đình Huế (Thừa Thiên Huế)
3. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)
4. Phố cổ Hội An (Quảng Nam)
5. Không gian văn hoá Cồng Chiêng (Tây Nguyên)

## 1.7. Cơ sở nảy sinh hình thành nên nền văn hoá Việt Nam

Văn hoá dân tộc Việt Nam nảy sinh từ một môi trường sống cụ thể: xứ nóng, nhiều sông nước, nơi gặp gỡ của nhiều nền văn minh lớn. Điều kiện tự nhiên (nhiệt, ẩm, gió mùa, sông nước, nông nghiệp trồng lúa nước...) đã tác động không nhỏ đến đời sống văn hoá vật chất và tinh thần của dân tộc, đến tính cách, tâm lý con người Việt Nam. Tuy nhiên điều kiện xã hội và lịch sử lại là những yếu tố chi phối rất lớn đến văn hoá và tâm lý dân tộc. Cho nên cùng là cư dân vùng trồng lúa nước, vẫn có những điểm khác biệt về văn hoá giữa Việt Nam với Thái Lan, Lào, Indonesia, Ấn Độ v.v... Cùng cội nguồn văn hoá Đông Nam Á, nhưng do sự thống trị lâu dài của nhà Hán, cùng với việc áp đặt văn hoá Hán, nền văn hoá Việt Nam đã biến đổi theo hướng mang thêm các đặc điểm văn hoá Đông Á..

Các nhà sử học thống nhất ý kiến ở một điểm: Việt Nam có một cộng đồng văn hoá khá rộng lớn được hình thành vào khoảng nửa đầu thiên niên kỉ thứ nhất trước Công nguyên (cách đây khoảng 2800- 2500 năm – LQV) và phát triển rục rờ vào giai đoạn văn hoá Đông Sơn (cách nay khoảng – 2500 năm – LQV). Cộng đồng văn hoá

ấy phát triển cao so với các nền văn hoá khác đương thời trong khu vực, có những nét độc đáo riêng nhưng vẫn mang nhiều điểm đặc trưng của văn hoá vùng Đông Nam Á, vì có chung chủng gốc Nam á (Mongoloid phương Nam) và nền văn minh lúa nước. Những con đường phát triển khác nhau của văn hoá bản địa tại các khu vực khác nhau (lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả v.v...) đã hội tụ với nhau, hợp thành văn hoá Đông Sơn. Đây cũng là thời kỳ ra đời nhà nước "phôi thai" đầu tiên của Việt Nam dưới hình thức cộng đồng liên làng và siêu làng (để chống giặc và đắp giữ đê trồng lúa), từ đó các bộ lạc nguyên thủy phát triển thành dân tộc.

Có thể nói xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam, đã có ba lớp văn hoá chồng lên nhau: **lớp văn hoá bản địa, lớp văn hoá giao lưu với Trung Quốc và khu vực, lớp văn hoá giao lưu với phương Tây**<sup>3</sup>. Nhưng đặc điểm chính của Việt Nam là nhờ gốc văn hoá bản địa vững chắc nên đã không bị ảnh hưởng văn hoá ngoại lai đồng hoá, trái lại còn biết sử dụng và Việt hoá các ảnh hưởng đó làm giàu cho nền văn hoá dân tộc.

Dân tộc Việt Nam hình thành sớm và luôn luôn phải làm các cuộc chiến tranh giữ nước, từ đó tạo nên một đặc trưng văn hoá nổi bật: tư tưởng yêu nước thấm sâu và bao trùm mọi lĩnh vực. Các yếu tố cộng đồng có nguồn gốc nguyên thủy đã sớm được cố kết lại, trở thành cơ sở phát triển chủ nghĩa yêu nước và ý thức dân tộc. Chiến tranh liên miên, đó cũng là lý do chủ yếu khiến cho lịch sử phát triển xã hội Việt Nam có tính bất thường, tất cả các kết cấu kinh tế-xã hội thường bị chiến tranh làm gián đoạn, khó đạt đến điểm đỉnh của sự phát triển chín muồi. Cũng vì chiến tranh phá hoại, Việt Nam ít có được những công trình văn hoá-nghệ thuật đồ sộ, hoặc nếu có cũng không bảo tồn được nguyên vẹn.

Thứ Năm, 06/07/2006, 02:23 (GMT+7)

**Dân số VN tăng 1,3 triệu người mỗi năm**

<sup>3</sup> Trần Ngọc Thêm 2006 *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh

**TT (Hà Nội) - "VN đang ở thời kỳ cuối của giai đoạn bùng nổ dân số", phó chủ nhiệm Ủy ban Dân số, gia đình và trẻ em Nguyễn Thiện Trường nhận định tại cuộc họp báo chiều 5-7, nhân kỷ niệm Ngày dân số thế giới 11-7.**

Theo ông, hiện tại mỗi năm dân số VN tăng thêm khoảng 1,3 triệu người. Tình trạng tăng dân nhanh này đã đặt ra nhiều vấn đề dân sinh, đặc biệt "gây sức ép lên hệ thống giáo dục quốc dân".

Tại gia đình, ông Trường cho biết khảo sát mới nhất tại TP Biên Hòa (Đồng Nai) cho thấy hơn 56% gia đình không hiểu quá trình thay đổi tâm sinh lý của trẻ.

Nhận thức về sức khỏe sinh sản của thanh niên còn yếu, rất nhiều nam thanh niên chưa lập gia đình có quan hệ với gái mại dâm, tỉ lệ nhiễm HIV trong vị thành niên và thanh niên tăng cao, 30% số ca nạo phá thai hằng năm là nữ giới chưa lập gia đình...

Để giải quyết tình trạng này, một dự án lớn nhất từ trước đến nay về truyền thông phòng chống HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản trong thanh niên sẽ được thực hiện từ 2006, với tài trợ trị giá 20 triệu USD từ Ngân hàng Phát triển châu Á.



Trẻ sơ sinh gia tăng tại Bệnh viện Từ Dũ - Ảnh :T.T.D

L.ANH

## CHƯƠNG II

# VĂN HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG

### Dẫn nhập

Có lẽ, phát biểu rằng thế kỷ 21 là thế kỷ của văn hóa chắc không quá đáng, bởi vì một khuynh hướng chung hiện nay là các quốc gia trên thế giới đang (hay sắp) qui tụ với nhau thành nhiều nhóm dựa trên văn hóa, mà không dựa trên ý thức hệ (như Chủ nghĩa Cộng sản và Chủ nghĩa Tư bản trong thời gian qua). Trong thế kỷ 21, người ta sẽ hỏi "*Anh là ai*" thay vì "*Anh thuộc phe nào*"? trong thế kỷ vừa qua. Tức là một sự chuyển biến về nhận dạng từ ý thức hệ sang văn hóa.

### 2.1. Khái niệm Văn hoá

Vậy *Văn hoá là gì* ? trả lời câu hỏi này không dễ chút nào, bởi văn hoá là một phạm trù có nội hàm rất rộng, các học giả trên thế giới chưa bao giờ đồng ý với nhau về ý nghĩa của hai từ này (hiện có trên 500 định nghĩa) và xem ra xu hướng học thuật hiện nay, số lượng các định nghĩa còn có thể tăng lên nữa. Trong phạm vi giáo trình này, người viết chỉ giới thiệu một số định nghĩa tiêu biểu

Theo cách hiểu thông thường, văn hóa là học thức, trình độ học vấn và lối sống lành mạnh ... điều này thấy rõ trong sơ yếu lí lịch của cá nhân có ghi: trình độ văn hoá, trong xã hội có áp văn hoá, phường văn hoá, gia đình văn hoá, sống có tính có nghĩa, có trước có sau, hay giúp đỡ, an ủi người cô thế, bất hạnh người ta gọi là người có văn hoá. Còn trong học thuật, văn hoá được hiểu theo một nghĩa khác:

Cố Gs Đào Duy Anh xem văn hoá là sinh hoạt<sup>4</sup>

**TS Dương Ngọc Dũng** xem Văn hoá là một hệ thống các giá trị chung cho mọi thành viên của xã hội hay cộng đồng<sup>5</sup>

**Edouard Herriot** xem Văn hóa là cái còn lại khi người ta đã quên đi tất cả, là cái vẫn thiếu khi người ta đã học tất cả<sup>6</sup>.

**Phan Ngọc** xem văn hoá là mối quan hệ giữa thế giới biểu tượng trong óc một cá nhân hay một tộc người với cái thế giới thực tại ít nhiều đã bị cá nhân hay tộc người này mô hình hoá theo cái mô hình tồn tại trong biểu tượng. Điều biểu hiện rõ nhất chứng tỏ mối quan hệ này, đó là văn hoá dưới hình thức dễ thấy nhất, biểu hiện thành một kiểu lựa chọn riêng của cá nhân hay tộc người, khác các kiểu lựa chọn của cá nhân hay tộc người khác.<sup>7</sup>

**Trần Ngọc Thêm** trong công trình *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, - được Bộ Giáo Dục và Đào tạo chọn làm giáo trình chính giảng dạy trong các ngành Khoa học Xã hội - xuất bản tại Thành phố Hồ chí Minh năm 2001 (tái bản 2003,2004,2006) đã định nghĩa văn hoá như sau:

*“Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình hoạt động thực tiễn và trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”.*

Ta thấy định nghĩa này phù hợp với định nghĩa mà UNESCO đưa ra năm 1970 tại Venice<sup>8</sup>

## 2.2. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa

---

<sup>4</sup> Đào Duy Anh 1938 *Việt Nam Văn hoá sử cương*, NXB Văn Hoá, t13

<sup>5</sup> Dương Ngọc Dũng, *Nhu cầu hiện thực hoá lý tưởng của bản thân*, TTCN, số 42, ngày 26.20.2003

<sup>6</sup> Trần Ngọc Thêm, sđd, t4

<sup>7</sup> Phan ngọc 1998 *Bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB VH-TT, t17

<sup>8</sup> Trần Ngọc Thêm 2001 *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB TPHCM.17-25

### **2.2.1. Tính hệ thống và chức năng tổ chức xã hội**

VH gồm nhiều bộ phận có liên quan mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Những con người có chung một nền VH sẽ sống chung thành một cộng đồng ổn định

### **2.2.2. Tính giá trị và chức năng thúc đẩy xã hội vận động đi lên**

Có nhiều cách phân loại giá trị văn hóa:

Giá trị vật chất, giá trị tinh thần, giá trị hỗn hợp vật chất – tinh thần

Giá trị sử dụng, giá trị đạo đức và giá trị thẩm mỹ

Giá trị vĩnh cửu, giá trị nhất thời, giá trị lịch sử và giá trị đang hình thành

Tính giá trị còn có vai trò điều chỉnh xã hội, bằng cách tạo ra những mẫu mực để mọi người noi theo.

**2.2.3. Tính lịch sử và truyền thống có chức năng giáo dục, duy trì cộng đồng.**

**2.2.4. Tính dân tộc tạo nên cá tính, bản sắc riêng, phân biệt với dân tộc khác<sup>9</sup>.**

## **2.3. Phân biệt văn hóa, văn hiến, văn vật và văn minh.**

<b>Văn hoá</b>	<b>Văn hiến</b>	<b>Văn vật</b>	<b>Văn minh</b>
Hài hoà giữa vật chất và tinh thần	Thiên về giá trị tinh thần	Thiên về giá trị vật chất	Thiên về giá trị vật chất, kỹ thuật
Có bề dài lịch sử	Có bề dài lịch sử	Có bề dài lịch sử	Có trình độ phát triển
Có tính dân tộc	Có tính dân tộc	Có tính dân tộc	Có tính quốc tế
Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương Đông	Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương Đông	Thiên về nông thôn, nông nghiệp, phương	Thiên về thành thị, thương mại, và công nghiệp, phương

<sup>9</sup> \* Xem chi tiết hơn trong : Trần Ngọc Thêm 2006 *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, NXB TP HCM, t 20-24



		Đông	Tây
--	--	------	-----

TaiLieu.vn

## 2.4. Cấu trúc của một nền văn hóa

Có thể chia ra 4 thành tố, gồm:

Văn hóa nhận thức

Văn hóa tổ chức cộng đồng: xã hội và cá nhân.

Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội

## 2.5. Các bộ môn nghiên cứu văn hóa

Gồm những chuyên ngành :

*Văn hóa học đại cương*: còn gọi là Lí thuyết văn hóa , nghiên cứu các khái niệm, quy luật hình thành và phát triển văn hóa...

*Địa lí văn hóa* : tìm hiểu văn hoá của các vùng (theo chiều ngang).

*Lịch sử văn hóa*: khảo sát quá trình diễn biến của một nền văn hóa dân tộc (theo chiều dọc).

*Cơ sở văn hóa* nhằm nghiên cứu một nền văn hóa dân tộc , bao hàm cả địa-văn hóa và sử -văn hóa , nhằm hướng vào thời hiện đại , với mục đích bảo tồn và phát triển nền văn hóa ấy .

## 2.6. Hai loại hình văn hoá cơ bản trên thế giới

Người ta thường phân chia thế giới ra hai khu vực văn hóa: phương Đông và phương Tây. Cách chia như thế chỉ là tạm thời, vì nó thiếu cơ sở khoa học và không chính xác. Tiêu chí phân loại phải căn cứ vào lối sống chủ yếu (cách sản xuất), mà sản xuất phụ thuộc vào địa hình, khí hậu .

Nhiều nhà nghiên cứu thống nhất chia văn hóa thế giới ra làm 2 loại hình cơ bản: **văn hóa gốc nông nghiệp và văn hóa gốc du mục.**

### Bảng đối chiếu hai loại hình văn hoá

Tiêu chí	Văn hoá nông nghiệp (Chủ yếu ở phương Đông)	Văn hoá du mục (Chủ yếu ở phương Tây)
Địa hình, khí hậu	đồng bằng, nóng, ẩm, thấp	thảo nguyên, lạnh, khô, cao
Nghề nghiệp chính	trồng lúa nước	chăn nuôi du mục
Cách sống (nơi ở)	định cư, nhà ở ổn định	du cư, cắm trại, lều tạm bợ
Ứng xử với tự nhiên	gắn bó, hoà hợp, tôn trọng	chiếm đoạt, khai thác, bóc lột
Ăn uống	đồ ăn thực vật	đồ ăn động vật
Quan hệ xã hội	trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng nữ, dân chủ, trọng tập thể	trọng lý (nguyên tắc), trọng tài, trọng võ, trọng nam giới, trọng cá nhân (thủ lĩnh)
Giao lưu đối ngoại	hiếu hoà, dung hợp, mềm dẻo khi đối phó	hiếu chiến, độc tôn, cứng rắn bằng bạo lực
Đặc điểm tư duy	chủ quan, cảm tính, kinh nghiệm, tổng hợp và biện chứng	khách quan, lý tính, thực nghiệm, phân tích và siêu hình
Văn học nghệ thuật	thiên về thơ, nhạc trữ tình	thiên về truyện, kịch, múa sôi động
Xu hướng khoa học	thiên văn, triết học tâm linh, tôn giáo	khoa học tự nhiên, kỹ thuật
Khuynh hướng chung	thiên về văn hoá nông thôn	thiên về văn minh thành thị

Trên đây trình bày những nét khác biệt cơ bản nhất giữa hai loại hình văn hóa chủ yếu của loài người. Trên cơ sở đó, sinh viên tiếp tục tìm hiểu những nét khác nhau trong nhiều lĩnh vực khác.



Những hình ảnh tiêu biểu cho nền văn minh nông nghiệp Phương Đông



Những hình ảnh tiêu biểu cho nền văn minh nông nghiệp Phương Tây du mục

**Nguồn: sưu tầm từ Internet**